TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024.
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy
2. Bà Vũ Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mấu Thị Th, sinh năm 1977 (có mặt).

Bị đơn: Anh Chamaléa Th1 , sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Thuận Bắc, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mấu Thị Thtrình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mấu Thị Th và anh Chamaléa Th1 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ép buộc, hai người chung sống từ năm 1995 nhưng đến ngày 27/10/2005 cả hai mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng khoảng từ khi đứa con đầu được 14 tuổi, vì muốn phụ giúp gia đình phát triển kinh tế, chi trả các khoản nợ nên chị Th đã vào thành phố Hồ Chí Minh đi ở

thuê cho người khác, kể từ đó anh Th1 bắt đầu ghen tuông vô cớ, kiếm cớ gây sự và đánh chị Th. Vì vậy đi làm được vài năm chị Th lại quay về địa phương để sinh sống, ai thuê gì đi làm nấy nhưng anh Th1 vẫn tính nào tật nấy, vẫn hay kiếm cớ gây sự và cứ cho rằng chị Th ngoại tình. Những lần như vậy chị Th để dữ thể diện trong nhà nên không có báo chính quyền địa phương. Tuy nhiên, có lần anh Th1 đánh chị Th thì chị Th có báo trưởng thôn, trưởng thôn có tới nói chuyện với anh Th1 nên từ đó anh Th1 không còn đánh chị Th nữa nhưng vợ chồng vẫn còn hay cải vả, mâu thuẫn nhau, những lần cãi vả anh Th1 không đánh chị Th nữa nhưng lại đập hết đồ đạc trong nhà, chị Th nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay anh Th1 đã về nhà ba mẹ anh Th1 ở thôn Suối Đá, Lợi Hải sống khoảng 06 tháng nay, thỉnh thoảng có về nhà được vài tiếng rồi đi lại. Chị Th xác định không thể chung sống với anh Th1 được nữa, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chamaléa Th1.

- Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 02 người con chung là Mấu Thị Đ, sinh năm 1995 và Mấu Văn K, sinh năm 1997. Các con đều đã thành niên nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Chamaléa Th1 đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/12/2023. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 30/01/2024 nhưng anh Chamaléa Th1 vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2024 do Tòa án thực hiện thì chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú xác nhận chị Thvà anh Th1 có đăng ký hôn tại UBND xã C năm 2005, vợ chồng chị Th có 02 người con chung đã trưởng thành. Vợ chồng chị Th và anh Th1 có mâu thuẫn trầm trọng hiện không còn sống chung với nhau nữa.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mấu Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chamaléa Th1, anh Chamaléa Th1 có nơi cư trú tại địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, nội dung có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Th (*Yêu cầu ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn, xác nhận thông tin về cư trú, giấy khai sinh. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn (anh Th1) không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (*khoản 2 Điều 92 của BLTTDS*). Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn anh Th1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Th1.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy chị Th và anh Th1 tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Thuận Bắc theo Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 27/10/2005, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời trình bày của chị Th có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 có xảy ra mâu thuẫn, thường hay xích mích, bất đồng quan điểm cải nhau do anh Th1 hay uống rượu say về kiếm chuyện, gây gỗ chửi mắng, đánh đập chị Th nhiều lần rồi bỏ nhà đi, hai người không còn sống chung với gần 06 tháng nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị Th cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không thể quay về chung sống đoàn tụ với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1. Tại Biên bản xác minh ở địa phương nơi đương sự sinh sống có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 hay có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân là đúng sự thật.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Th anh Th1 là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th được ly hôn anh Th1.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 02 người con chung là Mấu Thị Đ, sinh năm 1995 và Mấu Văn K, sinh năm 1997. Các con đều đã thành niên, không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là chị Mấu Thị Th đối với Bị đơn là anh Chamaléa Th1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mấu Thị Th được ly hôn anh Chamaléa Th1.

Về án phí: Chị Mấu Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 00001761 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc (chị Th đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử sơ thẩm, công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/02/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã C
(GCNKH ngày 27/10/2005);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Phước Trí